

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 16-6-2020

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan

2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17/02/2020 về việc tranh chấp: “*Xin ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2019/HN-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh với chị Trần Thị L kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân nhau. Năm 2017, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ sống chung lại, đến năm 2018 ly thân đến nay. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trần Quốc B, sinh ngày 07/02/2010 và Nguyễn Trần Hòa Ph, sinh ngày 21/12/2013;

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L; Yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị L trình bày: Chị thống nhất lời khai của anh Q là đúng, nhưng chị không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng mỗi tháng nuôi con là 1.000.000 đồng/01 con/tháng. Tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2019/HN-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Quý xin được ly hôn chị Trần Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2019, anh Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cũng như yêu cầu khởi kiện, chị L vắng mặt không có lý do. Cả hai không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, cho anh Q được ly hôn với chị L. Về con chung án sơ thẩm chưa giải quyết nếu có yêu cầu có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Trần Thị L vắng mặt lần thứ 2, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị L. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp xin ly hôn đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q với bị đơn chị Trần Thị L là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: anh Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh được ly hôn với chị Trần Thị L.

Anh Q và chị L chung sống vợ chồng vào năm 2010 có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn để anh Q xin ly hôn theo anh Q là do chị L thiếu sự quan tâm chăm sóc anh và phụ giúp gia đình anh, cha mẹ chồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị L không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm chị đã bỏ địa phương đi khỏi gia đình nhà chồng theo xác nhận của Công an xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy vào ngày 02/6/2020. Đời sống chung vợ chồng là vợ chồng phải cùng nhau chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm lo và giáo dục con cái. Nhưng chị L bỏ đi, không liên lạc để lại hai con cho anh Q trực tiếp chăm sóc, chị L không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mà anh Q cho rằng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh Q đã khởi kiện ly hôn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị L không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung trong quá trình chung sống giữa anh Q và chị L có 02 con chung tên Nguyễn Trần Quốc B, sinh ngày 07/02/2010 và Nguyễn Trần Hòa Ph, sinh ngày 21/12/2013, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hội Xuân, huyện Cai Lậy thì hai cháu B và Ph đang trực tiếp chung sống với anh Q, do cấp sơ thẩm chưa giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặc ra xem xét, nếu có yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q, sửa bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[7] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q nên anh Q không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Q.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 138/2019/HN-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q.

Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Q đã nộp theo biên lai thu số 17125 ngày 23/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên anh Q đã nộp xong án phí. Hoàn lại anh Quý 300.000đ anh Quý tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 17218 ngày 25/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND h Cai Lậy;
- CCTHADS h Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền

